

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở: “Dây chuyền sản xuất cơ khí đúc và chế biến nguyên liệu hoàn nguyên” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 37/CV-KSQT ngày 18/4/2025 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Trị;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đông Hà tại Tờ trình số 689/TTr-PTNMT, ngày 24/4/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Trị, địa chỉ tại Thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Dây chuyền sản xuất cơ khí đúc và chế biến nguyên liệu hoàn nguyên với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Dây chuyền sản xuất cơ khí đúc và chế biến nguyên liệu hoàn nguyên.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Đông Lễ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200042669 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 10/01/2001, thay đổi lần thứ 10 ngày 25/02/2020.

1.4. Mã số thuế: 3200042669

1.5. Loại hình kinh doanh: Chế biến khoáng sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi khu đất: Vị trí các lô A₉, A₁₀, A₁₁, A₁₂, A₁₇, A₁₈, A₁₉, A₂₀ tại Cụm công nghiệp Đông Lễ, phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Tổng diện tích 6.962m².

- Quy mô, công suất: Chế biến nguyên liệu và phụ gia hoàn nguyên

(Ilmenite, Zircon, Rutile) 6.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ cơ sở có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường; Cụm CN KC&DVCI thành phố; UBND phường Đông Lễ nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp giấy phép môi trường.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /w

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- TT PT CCN KC&DVCI thành phố;
- UBND phường Đông Lễ;
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Trị;
- Cổng Thông tin điện tử TP Đông Hà;
- Lưu: VT, PTNMT. *Ant*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

[Signature]

Nguyễn Sỹ Trong

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
Cơ sở “Dây chuyền sản xuất cơ khí đúc và chế biến nguyên liệu hoàn nguyên”
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 350/GPMT-UBND ngày 26 / 7 /2025
của UBND thành phố Đông Hà*

1. Nội dung cấp phép xả nước thải**1.1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của 15 CBCNV tại cơ sở.
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ quá trình tuyển đãi quặng titan.

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Nguồn tiếp nhận nước thải

+ Dòng thải số 01: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng bể tự hoại sẽ thấm ra môi trường đất tại khu vực Nhà văn phòng.

+ Dòng thải số 02: Tuần hoàn tái sử dụng, không xả thải ra môi trường.

- Vị trí xả nước thải: Vị trí đầu ra của bể tự hoại 3 ngăn tại cơ sở. Tọa độ X: 1.857.946m; Y: 588.568m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 160⁰15', múi chiếu 3⁰).

- Lưu lượng xả nước thải: 1,8 m³/ngày.đêm.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Không liên tục

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Được xử lý đạt quy chuẩn tại Bảng 1 trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

Bảng 1. Nồng độ các chất ô nhiễm đối với nước thải sinh hoạt

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT
			Cột B, K=1,2
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải**2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

- Nước thải sinh hoạt: Được thu gom bằng ống nhựa về bể tự hoại 3 ngăn đặt âm trong đất để xử lý. Định kỳ hút hầm vệ sinh đưa đi xử lý đảm bảo quy định.

- Nước thải sản xuất: Được thu gom bằng các rãnh bê tông có chiều rộng 0,4m, chiều cao 0,3m, tổng chiều dài khoảng 55m dẫn về bể lắng nước 4 ngăn để xử lý đảm bảo và tiếp tục tuần hoàn, tái sử dụng.

2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Thời gian vận hành thử nghiệm do chủ cơ sở quyết định và tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 tháng (chủ dự án gửi thông báo đến Phòng Tài nguyên và Môi trường trước 10 ngày kể từ ngày thử nghiệm).

- Vị trí lấy mẫu: Giai đoạn ổn định lấy mẫu 3 ngày liên tục tại vị trí xả thải Phụ lục này.

- Thông số quan trắc: Các thông số quy định tại Bảng 1 Phụ lục này.

- Giá trị giới hạn cho phép các chất ô nhiễm: Cột B, QCVN 14:2008/BTNMT.

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt giới hạn cho phép tại cột B, QCVN 14:2008/BTNMT (K=1,2) trước khi xả ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

Cơ sở “Dây chuyền sản xuất cơ khí đúc và chế biến nguyên liệu hoàn nguyên”
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số **350**/GPMT-UBND ngày **26/4**/2025*
của UBND thành phố Đông Hà

1. Nội dung cấp phép xả khí thải

1.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Tại ống khói 1 của lò sấy quặng 1.
- Nguồn số 02: Tại ống khói 2 của lò sấy quặng 2.
- Nguồn số 03: Tại ống thoát khí của lò sấy quặng 2.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Dòng thải số 01: Tại ống khói 1 của lò sấy quặng 1. Tọa độ X: 1.857.954m; Y: 588.585m.
- Dòng thải số 02: Tại ống khói 2 của lò sấy quặng 2. Tọa độ X: 1.857.924m; Y: 588.559m.
- Dòng thải số 03: Tại ống thoát khí lò sấy quặng 2. Tọa độ X: 1.857.922m; Y: 588.557m.

(Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Nguồn số 01: 36.000 m³/giờ.
- Nguồn số 02: 1.819 m³/giờ.
- Nguồn số 03: 20.000 m³/giờ.
- Phương thức xả khí thải: Cường bức
- Chế độ xả khí thải: Xả không liên tục.
- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường: Đảm bảo đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - QCKTQG về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ (cột B, Kp=0,9; Kv=1).

Bảng 1. Thông số các chất ô nhiễm đối với khí thải

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép
1	Nhiệt độ	⁰ C	-
2	SO ₂	mg/Nm ³	450
3	NO ₂	mg/Nm ³	765
4	CO	mg/Nm ³	900
5	Bụi tổng	mg/Nm ³	180

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt nguyên liệu củi của lò sấy quặng dẫn vào cyclone để xử lý thông qua quạt hút và thoát ra môi trường thông qua

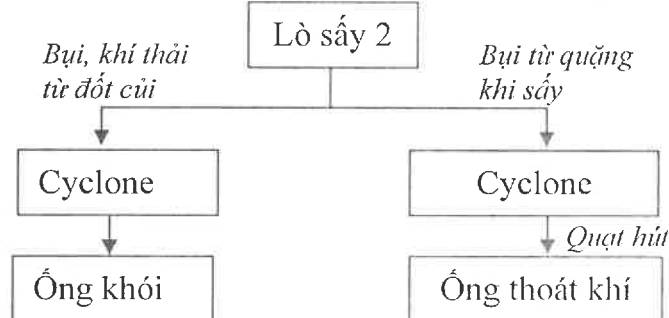
ống khói và ống thoát khí.

- Quy trình xử lý bụi, khí thải từ lò sấy quặng 1:



* Bụi, khí thải phát sinh từ lò sấy dẫn vào cyclone để xử lý (Đường kính cyclone: $D_0 = 1,2$ m; đường kính ống xả bụi: $D_d = 0,3$ m; Chiều cao phần hình trụ của cyclone: $H_1 = 1$ m; chiều cao phễu cyclone: $H_2 = 2$ m). Dòng khí thải sau khi qua cyclon được quạt hút dẫn ra ngoài môi trường thông qua ống khói cao khoảng 5m .

- Quy trình xử lý bụi, khí thải từ lò sấy quặng 2



* Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt củi tại lò sấy 2 sẽ được dẫn vào cyclone để xử lý (Đường kính cyclone: $D_0 = 0,6$ m; đường kính ống xả bụi: $D_d = 0,1$ m; Chiều cao phần hình trụ của cyclone: $H_1 = 0,5$ m; chiều cao phễu cyclone: $H_2 = 0,4$ m). Dòng khí thải sau khi qua cyclon được quạt hút dẫn ra ngoài môi trường bằng ống khói cao 7m.

* Bụi, khí thải phát sinh từ lò sấy 2 khi sấy quặng sẽ được dẫn vào cyclone để xử lý (Đường kính cyclone: $D_0 = 0,7$ m; đường kính ống xả bụi: $D_d = 0,2$ m; Chiều cao phần hình trụ của cyclone: $H_1 = 0,6$ m; chiều cao phễu cyclone: $H_2 = 0,7$ m). Dòng khí thải sau khi qua cyclon được quạt hút dẫn ra ngoài môi trường bằng ống khói cao 7m.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

- Hệ thống thu gom, xử lý khí thải được thu gom vào các cyclon để xử lý và dẫn ra ngoài bằng 03 ống khói. Khí thải sau xử lý đạt giới hạn Cột B của QCVN 19:2009/BTNMT ($K_p=1$, $K_v=1$) trước khi thải ra môi trường.

2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Thời gian vận hành thử nghiệm do chủ cơ sở quyết định và tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 tháng (chủ dự án gửi thông báo đến Phòng Tài nguyên và Môi trường trước 10 ngày kể từ ngày thử nghiệm).

- Vị trí lấy mẫu: Giai đoạn ổn định lấy mẫu 3 ngày liên tục tại vị trí xả thải Phụ lục này.

- Thông số quan trắc: Các thông số quy định tại Bảng 1 Phụ lục này.

- Giá trị giới hạn cho phép các chất ô nhiễm: Cột B, QCVN 19:2009/BTNMT.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Cơ sở “Dây chuyền sản xuất cơ khí đúc và chế biến nguyên liệu hoàn nguyên”
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **350**/GPMT-UBND ngày **26** / **4** /2025
của UBND thành phố Đông Hà

1. Đảm bảo giới hạn về tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:
 - + Phát sinh từ hoạt động máy móc trong nhà bàn dãi.
 - + Phát sinh từ hoạt động máy móc trong nhà tuyển điện, tuyển từ.
- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn là 70 dBA (từ 6 giờ - 21 giờ); độ rung là 75 dB (từ 6 giờ - 21 giờ).

2. Các công trình bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

2. 1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Sử dụng vật liệu cách âm để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung .
- Thiết kế và bố trí máy móc hợp lý.
- Thường xuyên bảo trì và nâng cấp thiết bị.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Quản lý và kiểm soát tiếng ồn trong quá trình hoạt động của cơ sở đảm bảo QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Cơ sở “Dây chuyền sản xuất cơ khí đúc và chế biến nguyên liệu hoàn nguyên”

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 350/GPMT-UBND ngày 26/4/2025 của
UBND thành phố Đông Hà

1. Quản lý chất thải

1.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

- Chung loại, khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh gồm: Thức ăn dư thừa, vỏ hoa quả, giấy vụn, túi nilon, chai, lọ,...Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng 4 kg/ngày.

- Chung loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp chứa mực in thải, Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải, Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải, Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh ước tính khoảng 11 kg/năm.

- Chung loại, khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Bao bì hư hỏng, tro đáy, xỉ, bụi từ lò sấy, cát thải, bùn từ bể lắng. Khối lượng phát sinh 0,5 tấn/tháng.

- Chung loại, khối lượng quặng đuôi phát sinh: khoáng vật chứa nguyên tố phóng xạ là quặng đuôi monazit với khối lượng 0,5 tấn/năm.

1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, quặng đuôi.

- Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

+ 03 thùng chứa 120L lưu tại kho chứa CTNH;

+ Kho chứa CTNH có kích thước 6m²;

+ Dán nhãn và biển báo khu chứa chất thải nguy hại;

+ Hợp đồng với Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama Quảng Ngãi để thu gom, xử lý với tần suất tối thiểu 1 lần/năm.

- Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Cát tách ra từ công đoạn tuyển đãi quặng được vận chuyển về mỏ titan của công ty để hoàn thổ.

+ Chất thải tận dụng được bán cho các đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn. Chất thải không tận dụng được như sẽ hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường và Công trình đô thị Đông Hà mang đi xử lý.

+ Cặn lơ lửng và bùn lắng từ bể lắng được thu gom, vận chuyển về mỏ titan của công ty để hoàn thổ mặt bằng.

+ Tro từ lò sấy: Thu gom vào các bao chứa tập kết tại nhà kho và hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường và Công trình đô thị Đông Hà vận chuyển, xử lý.

- Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào 03 thùng rác 60L và hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà vận chuyển xử lý hàng ngày.

- Thiết bị, công trình xử lý quặng đuôi vận chuyển ra kho chứa tại Nhà máy KCN Quán Ngang của công ty để lưu giữ đủ khối lượng cung cấp cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Guangxi Boxin.

2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

2.1. Phòng ngừa sự cố cháy, nổ: Thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy đảm bảo đúng quy định.

2.2. An toàn lao động: Sử dụng các trang thiết bị bảo hộ lao động đảm bảo; định kỳ tập huấn an toàn lao động cho cán bộ, công nhân; đưa ra nội quy an toàn lao động tại cơ sở.

2.3. An toàn giao thông: Chấp hành các quy định về Luật giao thông đường bộ hiện hành; bố trí biển báo, các chỉ dẫn rõ ràng về tốc độ, hướng rẽ các tuyến giao thông đoạn khu vực.